

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-PT

Ngày 16 - 6 - 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành;

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Không Thị Đức Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Phùng Ngọc Tuấn, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 15/2023/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã D, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh Dương Văn T, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn L1, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Người kháng cáo: Anh Dương Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2022 quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Dương Văn T ngày 28/12/2018, được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L1. Sau ngày cưới chị về làm ăn chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau. Tháng 7/2022 anh T đuổi chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình có dàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh T. Về con chung: vợ chồng có 01 con

chung là cháu Dương Văn A, sinh ngày 20/12/2019, hiện đang ở cùng anh T. Ly hôn chị xin nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị đi làm giáo viên thu nhập 7.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H ngày 28/12/2018, trước khi cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L1. Sau ngày cưới chị H về làm ăn chung sống cùng gia đình anh ngay. Quá trình vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn hàng ngày là do chị H có những việc làm hành động bất hiếu với mẹ chồng. Không chăm sóc con, phải để mẹ chồng chăm sóc nuôi dưỡng như: tắm rửa, cho cháu ăn, trông cháu hàng ngày, bế cháu từ lúc sinh ra cho đến nay, trong khi chị H là mẹ đẻ lại không chăm sóc con, việc này có rất nhiều hàng xóm biết. Là người vợ bất kính đối với chồng còn đánh chồng trước sự chứng kiến của mẹ đẻ anh, chị gái, em gái anh và có hai người cán bộ phòng bảo hiểm xã hội huyện L chứng kiến, không chăm lo cho hạnh phúc gia đình. Trải qua quá nhiều việc thể hiện chị H là người bất hiếu với mẹ chồng, không là người có chữ hiếu đối với chồng, không làm tròn nghĩa vụ là người mẹ đối với đứa con. Dẫn đến ngày 17/7/2022 anh mời bố mẹ chị H đến nhà anh để nói chuyện và gửi ông bà đưa chị H về để tiếp tục dạy bảo bao giờ chị H đủ tư cách đạo đức làm người, làm tròn chữ hiếu là người con dâu, làm tròn chữ nghĩa là người vợ, làm tròn tư cách là người mẹ đối với con thì anh tiếp tục cho về làm con, làm vợ trong gia đình nhà anh. Quá trình giải quyết anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh chưa có ý định ly hôn với chị H. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý. Tại phiên tòa anh đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung Dương Văn A, sinh ngày 20/12/2019, hiện đang ở cùng anh. Nếu ly hôn anh xin nuôi con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, vì lý do như sau: Từ lúc sinh cháu A ra chị H không chăm sóc cho con để con cho bà nội. Đến ngày 18/7/2022 chị H đưa con về nhà bà ngoại ở, ngày 25/7/2022 mẹ đẻ anh và chị gái anh đến nhà chị H thăm cháu thì phát hiện cháu A có biểu hiện bất thường nên đã đưa đi khám và biết cháu A bị cúm A. Đến buổi tối cùng ngày cháu A sốt cao mẹ anh và chị gái anh đưa cháu A đi khám ra công thì gặp chị H và mẹ chị H đến nhà anh, tiếp tục đưa cháu A đi phòng khám để kiểm tra. Khi khám và điều trị mua thuốc cho cháu A lúc đó có mặt chị H nhưng chị H không trả tiền thuốc cho con để mẹ anh phải trả tiền. Hiện anh làm Công an thu nhập 15.100.000đ/tháng. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản riêng của chị H thì chị đã đem đi.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn L1: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Dương Văn T ngày 28/12/2018, cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L1. Tổ chức xong chị H về làm ăn chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau. Đến tháng 7/2022 chị H về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung Dương Văn A, sinh ngày 20/12/2019, hiện đang ở cùng anh T. Về tài sản chung, công nợ, công sức địa phương không biết anh chị có gì. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T, quan điểm địa phương giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 15/2023/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 3 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Dương Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Văn A, sinh ngày 20/12/2019, hiện cháu A đang ở cùng anh T. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Anh T có quyền thăm nuôi con không ai được ngăn cản.

Theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu không xem xét giải quyết.

Ngoài ra quyết định còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 28/3/2023 anh Dương Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cháu A cho anh nuôi dưỡng và cho rằng những người tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm không xem xét đến hoàn cảnh và điều kiện nuôi con của hai bên. Cụ thể chị H không có nơi ở ổn định, gia đình không chuẩn mực, chị đi dạy học nên không có thời gian để đưa đón con đi học, không chăm sóc con tốt dẫn đến cháu A ở với chị H thời gian ngắn đã bị ốm nhưng không được chị H đưa đi điều trị, chị H vô trách nhiệm với con. Cháu A hiện nay đang ở với anh được chăm sóc nuôi dưỡng tốt thể chất và trí tuệ phát triển tốt. Mặt khác, điều kiện kinh tế của anh tốt hơn chị H, anh có lương cao

hơn và có tài sản để đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu A. Về chỗ ở và thời gian chăm sóc con của anh cũng tốt hơn chị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm giao cháu A cho anh nuôi dưỡng

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật; các đương sự có mặt, chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định được xem xét giải quyết. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của anh T, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của anh Dương Văn T trong hạn luật định, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Dương Văn T kết hôn ngày ngày 28/12/2018, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L1, huyện L, tỉnh Vĩnh phúc. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T được thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn. Tháng 7 năm 2022 chị H về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử cho anh chị được ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1].Về con chung: Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 15/2023/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 3 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Văn A, sinh ngày 20/12/2019, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Anh T có quyền thăm nuôi con không ai được ngăn cản. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu A cho anh nuôi dưỡng.

Xét nội dung kháng cáo của anh Dương Văn T và các căn cứ kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và giấy khai sinh của cháu A do chị H giao nộp tại Tòa án thì chị Nguyễn Thị H và anh Dương Văn T có 01 con chung là cháu Dương Văn A, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2019, khi ly hôn chị H và anh T đều xin nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng nuôi con của anh T và chị H đều chính đáng, thể hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung. Hai bên đều có thu nhập ổn định. Tuy nhiên, tính đến thời điểm xét xử cháu A vẫn còn nhỏ mới được hơn ba tuổi nên sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ đối với cháu A là cần thiết. Về các điều kiện khác chị H là giáo viên có thu nhập ổn định. Hiện nay, chị H đang sinh sống cùng bố mẹ của chị, bố mẹ chị cũng giúp đỡ chị trong việc đưa đón, chăm sóc cháu A.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khả năng nuôi con cũng như chăm sóc con của chị H và cân nhắc đảm bảo mọi mặt về quyền lợi, điều kiện phát triển tâm sinh lý cho cháu A nên đã giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu A là hợp tình, hợp lý, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em khi ly hôn và phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của anh T không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của anh T không được chấp nhận nên anh Dương Văn T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Anh T về việc giao nuôi con chung. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 15/20123/HNGĐ-ST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc về con chung.

Áp dụng các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Văn A, sinh ngày 20/12/2019, hiện cháu A đang ở cùng anh T. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Anh T có quyền thăm nuôi con không ai được ngăn cản.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Dương Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0006624 ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND thị trấn L1;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Bích Ngọc